

**SỰ LO ÂU VÀ CÁC YẾU TỐ LIÊN QUAN
CỦA NGƯỜI BỆNH NỘI SOI PHẾ QUẢN TẠI KHOA NỘI HÔ HẤP
BỆNH VIỆN TRUNG ƯƠNG THÁI NGUYÊN**

Đào Trọng Quân^{1*}, Nông Phương Mai¹, Ngô Thanh Thủy²

1. Đại học Y Dược Thái Nguyên

2. Bệnh viện Trung ương Thái Nguyên

**Email: daotrongquan87@gmail.com*

TÓM TẮT

Đặt vấn đề: Nội soi phế quản là một kỹ thuật được sử dụng thường xuyên và quan trọng trong việc chẩn đoán và điều trị một số bệnh đường hô hấp. Lo âu là triệu chứng phổ biến ở những người bệnh nội soi phế quản. **Mục tiêu nghiên cứu:** Mô tả mức độ lo âu ở người bệnh nội soi phế quản tại khoa Nội Hô hấp, Bệnh viện Trung ương Thái Nguyên xác định một số yếu tố liên quan đến lo âu của người bệnh nội soi phế quản tại khoa Nội Hô hấp, Bệnh viện Trung ương Thái Nguyên. **Đối tượng và phương pháp nghiên cứu:** Một nghiên cứu mô tả cắt ngang được thực hiện trên 82 người bệnh nội soi phế quản tại khoa Nội Hô hấp, Bệnh viện Trung ương Thái Nguyên. **Kết quả:** Mức độ stress trung bình của người bệnh trước khi nội soi phế quản chiếm tỉ lệ cao nhất là 43,9% và mức độ nặng chiếm tỉ lệ 17,1%. Mức độ lo âu trung bình của người bệnh trước khi nội soi phế quản chiếm tỉ lệ cao nhất là 47,6% và mức độ nặng chiếm tỉ lệ 12,2%. Người bệnh có chẩn đoán ung thư phổi, triệu chứng khó thở, đau ngực, việc đã từng nội soi phế quản, chưa được nhân viên y tế giải thích đầy đủ trước khi nội soi và không có người chăm sóc làm tăng khả năng lo âu của người bệnh nội soi phế quản. **Kết luận:** Phần lớn người bệnh trước khi nội soi phế quản đều có lo âu ở các mức độ trung bình và nặng. Người bệnh có chẩn đoán ung thư phổi, triệu chứng khó thở, đau ngực, việc đã từng nội soi phế quản, được nhân viên y tế giải thích đầy đủ trước khi nội soi và không có người chăm sóc là những yếu tố liên quan đến lo âu của người bệnh nội soi phế quản

Từ khóa: Nội soi phế quản, lo âu, yếu tố liên quan, Nội hô hấp

ABSTRACT

**ANXIETY AND RELATED FACTORS AMONG PATIENTS
UNDERGOING BRONCHOSCOPY AT RESPIRATORY DEPARTMENT,
THAI NGUYEN NATIONAL HOSPITAL**

Dao Trong Quan^{1*}, Nong Phuong Mai¹, Ngo Thanh Thuy²

1. Thai Nguyen University of Medicine and Pharmacy

2. Thai Nguyen National Hospital

Background: Bronchoscopy is a technique, which was used frequently and importantly in diagnosis and treatment some respiratory systems disease. Anxiety is a common symptom among patient undergoing bronchoscopy. **Objective:** To describe anxiety level of patient undergoing bronchoscopy at Respiratory Department, Thai Nguyen National Hospital and identify related

factor of anxiety among patient undergoing bronchoscopy at Respiratory Department, Thai Nguyen National Hospital. **Materials and methods:** A cross sectional descriptive study was conducted in 82 patients undergoing bronchoscopy at Respiratory Department, Thai Nguyen National Hospital. **Results:** Average level of stress of patient undergoing bronchoscopy accounted for the highest proportion, about 43.9% and severity level was 17.1%. Average level of anxiety of patient undergoing bronchoscopy was the highest percentage, accounted for 47.6% and severity level was 12.2%. Patient with lung cancer, dyspnea, chest pain symptom, experienced bronchoscopy, staff no fully explained before undergoing bronchoscopy and without caregiver increased anxiety among patients undergoing bronchoscopy. **Conclusion:** Most of patients before undergoing bronchoscopy have average and severity anxiety level. Patient with lung cancer, dyspnea, chest pain symptom, experienced bronchoscopy, staff fully explained before undergoing bronchoscopy and without caregiver was related factors of anxiety among patients undergoing bronchoscopy.

Keywords: Bronchoscopy, anxiety, related factor, Respiratory Department

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Nội soi phế quản là một kỹ thuật được sử dụng thường xuyên và quan trọng trong việc chẩn đoán và điều trị một số bệnh đường hô hấp [2]. Nội soi phế quản cho phép thấy được hình ảnh trực tiếp của mũi, hầu họng, thanh quản và khí phế quản. Người bệnh nội soi phế quản có thể được sử dụng thuốc an thần mức độ nhẹ hoặc trung bình để làm giảm bớt sự sợ hãi và khó chịu [7]. Ngày nay, với sự phát triển của phương pháp nội soi gây mê hiện đại, người bệnh có thể cảm thấy an toàn hơn so với trước đây khi phải nội soi phế quản. Tuy nhiên, nhìn chung có thể thấy việc phải quyết định tiến hành phương pháp can thiệp hoặc chẩn đoán đã tạo ra sự lo lắng cho bệnh nhân. Lo âu cấp tính là hiện tượng phản ứng tự nhiên (bình thường) của con người trước những khó khăn và các mối đe dọa của tự nhiên, xã hội, mà con người phải tìm cách vượt qua, tồn tại, hướng tới. Lo âu cấp tính là một triệu chứng thường gặp ở những người bệnh phải thực hiện các kỹ thuật y khoa xâm lấn như nội soi phế quản, nội soi đường tiêu hóa.... Người bệnh được nội soi phế quản có thể lo lắng vì tính chất xâm lấn của thủ thuật và biểu hiện sợ đau, khó thở, mất kiểm soát và nỗi sợ những điều chưa biết [9]. Lo âu có thể làm tăng mức độ cortisol, tăng huyết áp, tăng nhịp tim, nhịp thở. Bên cạnh đó, nhiều người bệnh cho thấy họ có những cảm xúc khó chịu về mặt tâm lý sau khi đã trải qua nội soi phế quản [8]. Bên cạnh đó, việc xác định các yếu tố liên quan đến sự lo âu của người bệnh nội soi phế quản sẽ giúp tìm ra được các giải pháp làm giảm lo âu và giảm thiểu sự không thoải mái cho người bệnh được tiến hành nội soi phế quản [10]. Tuy nhiên, các nghiên cứu xác định các yếu tố liên quan đến mức độ lo âu nhiều của người bệnh nội soi phế quản còn hạn chế.

Tại Bệnh viện Trung ương Thái Nguyên, kỹ thuật nội soi phế quản đã và đang được áp dụng thường xuyên trong việc chẩn đoán và điều trị một số bệnh đường hô hấp. Tuy nhiên chưa có nhiều nghiên cứu đánh giá về mức độ lo âu của người bệnh nội soi phế quản tại Bệnh viện Trung ương Thái Nguyên nói riêng và tại Việt Nam nói chung. Vì vậy, chúng tôi tiến hành thực hiện nghiên cứu “**Sự lo âu và các yếu tố liên quan của người bệnh nội soi phế quản tại khoa Nội Hô hấp, Bệnh viện Trung ương Thái Nguyên**” với mục tiêu:

1. Mô tả mức độ lo âu ở người bệnh nội soi phế quản tại khoa Nội Hô hấp, Bệnh viện Trung ương Thái Nguyên.
2. Xác định một số yếu tố liên quan đến lo âu của người bệnh nội soi phế quản tại khoa Nội Hô hấp, Bệnh viện Trung ương Thái Nguyên.

II. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Đối tượng nghiên cứu

Những người bệnh được thực hiện nội soi phế quản tại khoa Nội Hô hấp, Bệnh viện Trung ương Thái Nguyên

2.1.1. Tiêu chuẩn lựa chọn

- Người bệnh trên 18 tuổi được chỉ định nội soi phế quản

2.1.2. Tiêu chuẩn loại trừ

- Người bệnh nội soi phế quản tại các khoa hồi sức tích cực hoặc phẫu thuật, hoặc người bệnh bị suy giảm nhận thức hoặc giao tiếp.

2.2. Thời gian và địa điểm nghiên cứu: từ tháng 1 năm 2020 đến tháng 10 năm 2020 tại khoa Nội Hô hấp, Bệnh viện Trung ương Thái Nguyên

2.3. Cỡ mẫu và phương pháp chọn mẫu

- Cỡ mẫu: chọn toàn bộ người bệnh được nội soi phế quản phù hợp với tiêu chuẩn chọn mẫu trong thời gian nghiên cứu. Có 82 bệnh nhân nội soi phế quản được lựa chọn tham gia nghiên cứu

- Phương pháp chọn mẫu: Sử dụng phương pháp chọn mẫu thuận tiện

2.4. Thiết kế nghiên cứu: mô tả cắt ngang

2.5. Chỉ tiêu nghiên cứu

- Chỉ tiêu nghiên cứu:
 - + Tuổi: chia làm các nhóm tuổi từ dưới 45 tuổi, từ 45-60 tuổi và trên 60 tuổi
 - + Giới: là giới tính của đối tượng nghiên cứu gồm 2 nhóm nam và nữ
 - + Chẩn đoán bệnh bao gồm các nhóm bệnh như ung thư phổi, viêm phổi, và các bệnh khác
 - + Số lần nội soi phế quản: bao gồm nội soi phế quản lần đầu và nội soi phế quản lần thứ 2 trở lên
 - + Tỷ lệ mắc các biến chứng của nội soi phế quản
 - + Mức độ lo lắng của người bệnh trước: gồm 3 mức độ lo lắng nhiều và lo lắng ít hoặc trung bình.
 - + Mối liên quan giữa chẩn đoán bệnh, triệu chứng, số lần nội soi phế quản, được nhân viên y tế giải thích biến chứng của nội soi phế quản và có người nhà chăm sóc với sự lo âu của người bệnh trước

2.6. Bộ công cụ thu thập số liệu

- Bộ công cụ thu thập số liệu gồm 2 phần:
 - + Phần 1: thông tin chung về đặc điểm nhân khẩu học và thông tin về bệnh của người bệnh bao gồm những thông tin cần thu thập như tuổi, giới, chẩn đoán bệnh, mạch, huyết áp, nhịp thở của người bệnh trước và sau nội soi, số lần nội soi phế quản, sử dụng thuốc tê/ thuốc mê, biến chứng của nội soi phế quản.
 - + Phần 2: Thang điểm đánh giá mức độ lo âu, stress trong nghiên cứu được rút gọn từ thang điểm Thang đánh giá Lo âu – Trầm cảm – Stress (DASS 21). Thang điểm DASS 21 bao gồm 3 khía cạnh độc lập trầm cảm, lo âu, và stress. Mỗi khía cạnh gồm 7 câu hỏi. Trong bộ câu hỏi của chúng tôi chỉ đánh giá khía cạnh lo âu và stress cho phù hợp với đặc điểm đánh giá mức độ lo âu stress của nghiên cứu tại thời điểm trước và sau khi làm thủ thuật nội soi phế quản. Mỗi câu hỏi trong mỗi khía cạnh lo âu và stress là câu hỏi Likert-

Scale với 4 mức độ: 0 điểm tương ứng với “Không đúng với tôi chút nào cả”; 1 điểm tương ứng với “Đúng với tôi phần nào, hoặc thỉnh thoảng mới đúng”; 2 điểm tương ứng với “Đúng với tôi phần nhiều, hoặc phần lớn thời gian là đúng”; 3 điểm tương ứng với “Hoàn toàn đúng với tôi, hoặc hầu hết thời gian là đúng”.

2.7. Phương pháp thu thập số liệu

Số liệu được thu thập theo các bước sau:

* Bước 1: sau khi đối tượng nghiên cứu được lựa chọn, nghiên cứu viên sẽ giải thích về nghiên cứu và mời họ tham gia vào nghiên cứu

* Bước 2: Nghiên cứu viên tiến hành đo các dấu hiệu sinh tồn gồm mạch, huyết áp, nhịp thở trước khi tiến hành nội soi phế quản

* Bước 3: Bộ câu hỏi về nhân khẩu học và bộ câu hỏi về đánh giá mức độ Thang đánh giá Lo âu – Trầm cảm – Stress (DASS 21) được phát cho người bệnh tự điền dưới sự giám sát của nghiên cứu viên trước khi tiến hành nội soi phế quản

* Bước 4: Kiểm tra số liệu, mã hóa số liệu và nhập liệu vào phần mềm xử lý số liệu

2.8. Phương pháp xử lý số liệu

Số liệu được nhập liệu và phân tích bằng phần mềm SPSS 23.0 với mức độ ý nghĩa thống kê $\alpha = 0,05$. Các thuật toán được sử dụng trong nghiên cứu: Tính tỷ lệ %, giá trị trung bình, độ lệch chuẩn. Sử dụng kiểm định χ^2 (Chi square) để so sánh sự khác nhau về tỷ lệ của các nhóm.

III. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

3.1. Đặc điểm chung của đối tượng nghiên cứu

Bảng 1. Đặc điểm về tuổi và giới của đối tượng nghiên cứu

Giới	Nam		Nữ		Tổng	
	SL	%	SL	%	SL	%
Tuổi						
< 45 tuổi	12	14,7	6	7,3	18	22,0
45-60 tuổi	17	20,7	9	11,0	26	31,7
Trên 60 tuổi	27	32,9	11	13,4	38	46,3
Tuổi trung bình	58,41 ± 14,5		54,46 ± 15,2		57,16 ± 14,7	
Tổng	56	68,3	26	31,7	82	100

Nhận xét: Độ tuổi trung bình của các đối tượng nghiên cứu là 57,16 ± 14,7, có 46,3% người bệnh ở độ tuổi trên 60 tuổi. Đối tượng nghiên cứu là nam giới chiếm 68,3%.

Bảng 2. Đặc điểm chẩn đoán bệnh, triệu chứng, tiền sử nội soi, được NVYT giải thích của đối tượng nghiên cứu

	SL	%
Chẩn đoán		
Ung thư phổi	44	53,7
Viêm phổi/ viêm phế quản	29	35,4
Khác	9	11
Triệu chứng		
Khó thở	57	69,5
Ho khan/ho có đờm	60	73,2
Đau ngực	47	57,3
Triệu chứng khác	40	48,8
Đã từng nội soi phế quản		

	SL	%
Đã từng	39	47,6
Chưa từng	43	52,4
Có vấn đề trong lần nội soi phế quản lần trước		
Có vấn đề	18	22,0
Không có vấn đề/ chưa từng nội soi	64	78,0
Có được NVYT giải thích đầy đủ trước khi nội soi		
Không	22	26,8
Có	60	73,2

Nhận xét: Có 53,7% người bệnh nội soi phế quản bị ung thư phổi. Bên cạnh đó, có 69,5% có triệu chứng khó thở, 73,2% người bệnh có triệu chứng ho, 57,% có triệu chứng đau ngực, có 47,6% người bệnh đã từng được nội soi trước đây, có 22% người bệnh gặp vấn đề sau khi nội soi phế quản lần trước, có 26,8% người bệnh chưa được nhân viên y tế giải thích đầy đủ trước khi nội soi.

3.2. Mức độ lo âu của người bệnh nội soi phế quản

Bảng 3. Đặc điểm stress và lo âu ở người bệnh nội soi phế quản

Nội dung \ Mức độ	Không đúng n (%)	Thỉnh thoảng đúng n (%)	Phần lớn thời gian đúng n (%)	Hoàn toàn đúng n (%)
Stress				
Tôi thấy khó mà thoải mái được	6 (7,3)	18 (22,0)	58 (70,7)	0
Tôi có xu hướng phản ứng thái quá với mọi tình huống	15 (18,3)	29 (35,3)	38 (46,3)	0
Tôi thấy mình đang suy nghĩ quá nhiều	13 (15,9)	25 (30,5)	37 (45,1)	7 (8,5)
Tôi thấy bản thân dễ bị kích động	7 (8,5)	53 (64,6)	22 (26,8)	0
Tôi thấy khó thư giãn được	6 (7,3)	40 (48,8)	36 (43,9)	0
Tôi không chấp nhận được việc có cái gì đó xen vào cản trở việc tôi đang làm	13 (15,9)	24 (29,3)	45 (54,9)	0
Tôi thấy mình khá dễ phật ý, tự ái	15 (18,3)	25 (30,5)	42 (51,2)	0
Lo âu				
Tôi bị khô miệng	21 (25,6)	48 (58,5)	13 (15,9)	0
Tôi bị rối loạn nhịp thở (thở gấp, khó thở dù chẳng làm việc gì nặng)	34 (41,5)	48 (58,5)	0	0
Tôi bị ra mồ hôi (chẳng hạn như mồ hôi tay...)	19 (23,2)	56 (68,3)	7 (8,5)	0
Tôi lo lắng về những tình huống có thể làm tôi hoảng sợ hoặc biến tôi thành trò cười	7 (8,5)	68 (83,0)	7 (8,5)	0
Tôi thấy mình gần như hoảng loạn	15 (18,3)	60 (73,2)	7 (8,5)	0
Tôi nghe thấy rõ tiếng nhịp tim dù chẳng làm việc gì cả (ví dụ, tiếng nhịp tim tăng, tiếng tim loạn nhịp)	21 (25,6)	45 (54,9)	16 (19,5)	0
Tôi hay sợ vô cớ	6 (7,3)	41 (50,0)	35 (42,7)	0

Nhận xét: Đối với các dấu hiệu stress có 70,7% người bệnh cảm thấy khó thoải mái trong phần lớn thời gian và 22,0% người bệnh thỉnh thoảng cảm thấy khó thoải mái. Có

46,3% người bệnh có xu hướng phản ứng thái với mọi tình huống. Có 8,5% người bệnh luôn luôn suy nghĩ quá nhiều, 45,1% thường suy nghĩ quá nhiều. Tỷ lệ người bệnh thường thấy bản thân dễ bị kích động chiếm 26,8%. Tỷ lệ người bệnh thấy thường xuyên khó thư giãn được chiếm 43,9%. Có 54,9% người bệnh thường xuyên không chấp nhận được việc có cái gì đó xen vào cản trở công việc họ đang làm. Có 51,2% người bệnh thường xuyên thấy mình dễ tự ái, phật ý. Đối với các dấu hiệu lo âu, có 58,5% người bệnh thỉnh thoảng thấy khô miệng; 15,9% người bệnh thường xuyên thấy khô miệng. Có 58,5% người bệnh bị rối loạn nhịp thở. Có 68,3% người bệnh thỉnh thoảng bị ra mồ hôi tay. Có 83,0% người bệnh thỉnh thoảng và 8,5% người bệnh thường xuyên lo lắng về những tình huống sắp tới. Có 73,2% người bệnh thỉnh thoảng thấy mình gần như bị hoảng loạn. Có 19,5% người bệnh thường xuyên nghe rõ tiếng nhịp tim dù không phải làm việc gì; 54,9% người bệnh thỉnh thoảng thấy như vậy. Khoảng 42,7% người bệnh thường xuyên thấy hoảng sợ vô cớ.

Bảng 4. Mức độ stress của người bệnh nội soi phế quản

Mức độ stress	Số lượng	%
Không stress	16	19,5
Nhẹ	16	19,5
Trung bình	36	43,9
Nặng	14	17,1

Nhận xét: Có 19,5% người bệnh nội soi phế quản không có stress, 19,5% người bệnh có stress ở mức độ nhẹ, 43,9% có stress ở mức độ trung bình và 17,1% ở mức độ nặng

Bảng 5. Mức độ lo âu của người bệnh nội soi phế quản

Mức độ lo âu	Số lượng	%
Không lo âu	16	19,5
Nhẹ	17	20,7
Trung bình	39	47,6
Nặng	10	12,2

Nhận xét: có 19,5% không có lo âu; 20,7% người bệnh có lo âu mức độ nhẹ, 47,6% có mức độ lo âu mức độ trung bình và 12,2% có mức độ lo âu mức độ nặng.

3.3. Các yếu tố liên quan đến lo âu của người bệnh nội soi phế quản

Bảng 6. Mối liên quan giữa lo âu và chẩn đoán bệnh

Lo âu Chẩn đoán	Lo âu				<i>p</i>
	Có		Không		
	Số lượng	%	Số lượng	%	
Ung thư phổi	37	45,1	7	8,5	< 0,001
Viêm phổi/ viêm phế quản	29	35,4	0	0	
COPD	0	0	9	11,0	

Nhận xét: Có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê giữa lo âu của người bệnh có chẩn đoán bệnh khác nhau. Trong đó tỷ lệ người bệnh với chẩn đoán ung thư phổi có lo âu cao hơn so với người bệnh có chẩn đoán bệnh khác ($p < 0,001$)

Bảng 7. Mối liên quan giữa lo âu với triệu chứng khó thở và đau ngực

Triệu chứng	Lo âu		Lo âu		p
	Có		Không		
	Số lượng	%	Số lượng	%	
Khó thở					0,015
Không	24	29,3	1	1,2	

Triệu chứng \ Lo âu	Lo âu				p
	Có		Không		
	Số lượng	%	Số lượng	%	
Có	42	51,2	15	18,3	0,028
Đau ngực					
Không	27	32,9	2	2,4	
Có	39	47,6	14	17,1	

Nhận xét: Có mối liên quan giữa lo âu với triệu chứng khó thở và đau ngực. Tỷ lệ lo âu ở người có triệu chứng đau ngực và khó thở cao hơn có ý nghĩa so với người không có triệu chứng đau ngực, khó thở (47,6% so với 32,9% và 51,2% so với 29,3%).

Bảng 8. Mối liên quan giữa lo âu với việc đã từng nội soi, được giải thích trước khi nội soi, có người chăm sóc

Yếu tố \ Lo âu	Lo âu				p
	Có		Không		
	Số lượng	%	Số lượng	%	
Đã từng nội soi					< 0,001
Chưa từng	27	32,9	16	19,5	
Đã từng nội soi	39	47,6	0	0	
Đã từng gặp vấn đề trong lần nội soi trước đây					0,012
Không	48	58,5	16	19,5	
Có	18	22,0	0	0	
Được NVYT giải thích đầy đủ					0,032
Không	21	25,6	1	1,2	
Có	45	54,9	15	18,3	
Có người nhà chăm sóc					0,019
Không	23	28,1	1	1,2	
Có	43	52,4	15	18,3	

Nhận xét: Có mối liên quan có ý nghĩa thống kê giữa lo âu ở người bệnh nội soi phế quản với việc đã từng nội soi, được giải thích trước khi nội soi, có người chăm sóc. Những người đã từng nội soi phế quản có mức độ lo âu cao hơn những người chưa từng nội soi phế quản (47,6% so với 32,9%, $p < 0,001$). Có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê về tỷ lệ lo âu giữa người bệnh được giải thích đầy đủ và không được giải thích đầy đủ, giữa người bệnh có người nhà chăm sóc và không có người nhà chăm sóc ($p < 0,05$).

IV. BÀN LUẬN

4.1. Mức độ lo âu của người bệnh nội soi phế quản

Kết quả nghiên cứu của chúng tôi đã chỉ ra người bệnh nội soi phế quản trước khi tiến hành thủ thuật có lo âu và stress trước mức độ trung bình chiếm tỉ lệ cao nhất là 60% và mức độ nặng chiếm 17,1%. Kết quả nghiên cứu của chúng tôi tương đồng với kết quả của một số nghiên cứu khác. Một nghiên cứu của tác giả giả Aljohaney. A. A tại Arap Saudi năm 2019 cho thấy, có 45,3% người bệnh có mức độ lo lắng nhiều và 54,7% người bệnh có mức độ lo lắng ít hoặc trung bình. Bên cạnh đó, mức độ lo âu trung bình là 49.4 ± 4.23 (cao nhất là 60 điểm) [5]. Tác giả Andrychiewicz A và cộng sự tiến hành nghiên cứu tại Phần Lan đánh giá về mức độ lo lắng và hài lòng của người bệnh nội soi phế quản đã chỉ ra rằng 59,1% người bệnh lo lắng trước khi tiến hành nội soi phế quản [6].

Điều này cho thấy phương pháp nội soi phế quản còn rất mới đối với người bệnh, đây là một thủ thuật xâm lấn nhằm mục đích phục vụ cho việc chẩn đoán và điều trị. Công tác chuẩn bị trước khi tiến hành thủ thuật xâm lấn nếu không tốt sẽ khiến cho người bệnh lo sợ về cảm giác khó chịu trong nội soi, tai biến biến chứng có thể gặp, kết quả nội soi phế quản. Bên cạnh đó, đây là một thủ thuật còn khá mới với người bệnh nên người bệnh nội soi lần đầu thường thiếu những thông tin và kinh nghiệm liên quan đến thủ thuật này, còn những người bệnh đã từng nội soi thì họ đã phải trải qua những cảm giác khó chịu khi nội soi. Cả hai nhóm này đều có thể mang lại sự lo lắng nhất định. Hơn nữa, thời điểm chúng tôi tiến hành đánh giá mức độ lo âu của người bệnh chỉ ở thời điểm trước nội soi bởi việc đánh giá mức độ lo âu của người bệnh trước nội soi giúp tìm hiểu được một số lý do cũng như mức độ lo âu của họ trước khi thực hiện thủ thuật và tác động của nó đến các dấu hiệu lâm sàng của người bệnh như mạch nhanh, huyết áp tăng, nhịp thở tăng, co thắt phế quản, đau ngực, khó thở. Những yếu tố này có thể gây cản trở đến quá trình thực hiện thủ thuật, do vậy cần phải đánh giá sớm và chăm sóc kịp thời [1]. Đồng thời, người bệnh sau nội soi phế quản có thể gặp những vấn đề về chảy máu mũi, buồn nôn hoặc nôn, co thắt phế quản, dị ứng thuốc tê... Tuy nhiên đây chỉ là những tai biến ít gặp với tỷ lệ thấp. Theo kết quả nghiên cứu của Hoàng Hà và Diệp Văn Cam, tỷ lệ nôn ọe gặp ở người bệnh là 19,36%, co thắt phế quản là 5,39%; chảy máu mũi chiếm 3,03% [3]. Trong nghiên cứu của tác giả Đỗ Quyết và cộng sự tại Bệnh viện Quân Y 103 cho thấy, tỷ lệ mắc biến chứng của nội soi can thiệp gặp 39,4% trong đó ho ra máu nhẹ chiếm 24,2%, nhiễm khuẩn ho hấp chiếm 6,0% và suy hô hấp chiếm 3,0% [4].

Đối với người bệnh phải nội soi phế quản họ có thể phải trải qua 2 loại lo âu. Lo âu cấp tính là hiện tượng phản ứng tự nhiên (bình thường) của con người trước những khó khăn và các mối đe dọa của tự nhiên, xã hội, mà con người phải tìm cách vượt qua, tồn tại, hướng tới. Lo âu cấp tính là một triệu chứng thường gặp ở những người bệnh phải thực hiện các kỹ thuật y khoa xâm lấn như nội soi phế quản, nội soi đường tiêu hóa... Bên cạnh đó, người bệnh có thể trải qua những lo âu do những bệnh lý mà họ đang mắc như ung thư phổi, COPD, lao phổi... Lo âu bệnh lý là một lo âu quá mức hoặc dai dẳng không tương xứng với sự đe dọa, ảnh hưởng đến hoạt động của người bệnh như rối loạn giấc ngủ, khó tập trung.... Trong nghiên cứu này chúng tôi chỉ đánh giá những dấu hiệu lo âu cấp tính của người bệnh trước khi nội soi phế quản bằng thang điểm DASS. Trong thang điểm này chỉ đánh giá những dấu hiệu thể hiện sự lo lắng ngay tức thời như khô miệng, rối loạn nhịp thở, ra mồ hôi tay, lo lắng cho tình huống sắp tới, tim đập nhanh... Kết quả nghiên cứu cũng chỉ ra rõ, có 58,5% người bệnh thỉnh thoảng thấy khô miệng; 15,9% người bệnh thường xuyên thấy khô miệng. Có 58,5% người bệnh bị rối loạn nhịp thở. Có 68,3% người bệnh thỉnh thoảng bị ra mồ hôi tay. Có 83,0% người bệnh thỉnh thoảng và 8,5% người bệnh thường xuyên lo lắng về những tình huống sắp tới. Có 73,2% người bệnh thỉnh thoảng thấy mình gần như bị hoảng loạn. Có 19,5% người bệnh thường xuyên nghe rõ tiếng nhịp tim dù không phải làm việc gì; 54,9% người bệnh thỉnh thoảng thấy như vậy. Khoảng 42,7% người bệnh thường xuyên thấy hoảng sợ vô cớ. Điều này cho thấy, có nhiều người bệnh phải trải qua những lo lắng cấp tính trước khi phải nội soi phế quản,

4.2. Các yếu tố liên quan đến lo âu của người bệnh nội soi phế quản

Có sự khác biệt giữa lo âu của người bệnh nội soi phế quản với chẩn đoán bệnh. Trong đó tỷ lệ lo âu ở người bệnh ung thư phổi được chỉ định nội soi phế quản cao hơn so với các chẩn đoán bệnh khác ($p < 0,001$). Kết quả này chỉ ra những người bệnh ung thư,

viêm phổi, viêm phế quản, những người bệnh có triệu chứng khó thở đau ngực, những người đã từng nội soi, những người bệnh không được giải thích đầy đủ và những người không có người chăm sóc có tỷ lệ lo âu nhiều hơn.

Nghiên cứu cho thấy có mối liên quan giữa sự lo âu với triệu chứng khó thở và đau ngực. Người bệnh có những triệu chứng đau ngực, khó thở và được chẩn đoán là ung thư, viêm phổi viêm phế quản thường có mức độ nặng hơn những người bệnh khác. Bên cạnh đó, những người bệnh ung thư phổi có trạng thái tâm lý không tốt. Nếu người bệnh có nghi ngờ ung thư thì trước khi nội soi phế quản người bệnh sẽ lo lắng về kết quả chẩn đoán của nội soi. Nếu người bệnh đã từng được chẩn đoán là ung thư phổi, người bệnh có thể lo lắng về mức độ tiến triển xấu của bệnh. Những điều này đều khiến cho mức độ lo lắng của người bệnh nội soi phế quản tăng lên. Kết quả nghiên cứu của chúng tôi phù hợp với kết quả nghiên cứu của tác giả Andrychiewicz A và cộng sự tiến hành nghiên cứu tại Phần Lan đánh giá về mức độ lo lắng và hài lòng của người bệnh nội soi phế quản. Họ đã chỉ ra rằng, đau, khó thở, ho, buồn nôn/ nôn hoặc chảy máu là những điều khiến cho người bệnh cảm thấy lo lắng [6].

Sự lo âu ở người bệnh nội soi phế quản có mối liên quan đến việc đã từng nội soi, được giải thích trước khi nội soi, có người chăm sóc. Trong đó, những người đã từng nội soi phế quản có mức độ lo âu cao hơn những người chưa từng nội soi phế quản (47,6% so với 32,9%, $p < 0,05$). Việc người bệnh đã từng nội soi có mối liên quan đến mức độ lo âu của người bệnh nội soi phế quản bởi vì đây là một thủ thuật còn khá mới với người bệnh nên người bệnh nội soi lần đầu thường thiếu những hiểu biết và thông tin liên quan đến thủ thuật này, còn những người bệnh đã từng nội soi thì họ đã phải trải qua những cảm giác khó chịu khi nội soi, những vấn đề gặp phải sau nội soi như nôn ọe, chảy máu mũi, co thắt phế quản. Nhân viên y tế sẽ giải thích cho người bệnh những thông tin liên quan đến thủ thuật nội soi phế quản, như quy trình thực hiện, việc gây tê, những khó chịu và tai biến có thể gặp phải khi nội soi. Điều này khiến người bệnh nội soi hiểu rõ hơn về thủ thuật sắp được tiến hành và có sự chuẩn bị sẵn sàng về tâm lý giúp giảm bớt sự lo lắng của người bệnh. Tuy nhiên, kết quả nghiên cứu của tác giả Andrychiewicz A và cộng sự tiến hành nghiên cứu tại Phần Lan đánh giá về mức độ lo lắng và hài lòng của người bệnh nội soi phế quản chỉ ra rằng, lo âu gặp ở 67,54% người bệnh nội soi phế quản lần đầu, cao hơn tỷ lệ lo âu ở người bệnh nội soi phế quản lần 2 trở lên (chiếm 48,72%, $p < 0,001$) [6]. Việc có người chăm sóc có mối liên quan với mức độ lo âu của người bệnh nội soi phế quản. Người chăm sóc có thể hỗ trợ người bệnh trong quá trình điều trị tại bệnh viện và làm giảm những gánh nặng về tâm lý cho người bệnh. Đồng thời họ là những người động viên chăm sóc người bệnh trước và sau thực hiện thủ thuật nội soi phế quản khiến cho mức độ lo lắng của người bệnh giảm đi.

V. KẾT LUẬN

5.2. Mức độ stress và lo âu của ĐTNC

Kết quả nghiên cứu cho thấy, mức độ stress trung bình của người bệnh trước khi nội soi phế quản chiếm tỉ lệ cao nhất là 43,9% và mức độ nặng chiếm tỉ lệ 17,1%. Mức độ lo âu trung bình của người bệnh trước khi nội soi phế quản chiếm tỉ lệ cao nhất là 47,6% và mức độ nặng chiếm tỉ lệ 12,2%.

5.2. Một số yếu tố liên quan đến lo âu của ĐTNC

Những người bệnh được chẩn đoán là ung thư, những người bệnh có triệu chứng đau ngực, khó thở có khả năng lo âu nhiều hơn những người khác. Sự lo âu ở người bệnh nội soi phế quản có mối liên quan đến việc đã từng nội soi, được giải thích trước khi nội soi, có người chăm sóc. Trong đó, những người đã từng nội soi phế quản có mức độ lo âu cao hơn những người chưa từng nội soi phế quản ($p < 0,05$).

VI. KHUYẾN NGHỊ

Để giảm bớt sự lo lắng của người bệnh nội soi phế quản, nhân viên y tế cần tăng cường việc động viên, giải thích đầy đủ cho người bệnh về các thông tin liên quan đến thủ thuật nội soi phế quản như quy trình nội soi, những công việc người bệnh cần hợp tác với bác sỹ nội soi, sử dụng thuốc tê, tai biến...Điều dưỡng, bác sỹ cần điều trị và chăm sóc toàn diện nhằm làm giảm các triệu chứng thực thể của người bệnh. Đồng thời, nhân viên y tế cần cung cấp đầy đủ các thông tin về bệnh của người bệnh nhằm làm giảm những lo lắng không đáng có do thiếu hụt kiến thức về bệnh.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nguyễn Ngọc Bình (2016), "Đánh giá hiệu quả của nội soi phế quản mềm chẩn đoán ung thư phế quản so với kết quả sau phẫu thuật", *Tạp chí Y học Thành Phố Hồ Chí Minh*. 20(2), tr. 478-481.
2. Bộ Y tế (2016), Hướng dẫn quy trình kỹ thuật nội khoa chuyên ngành hô hấp, chủ biên, Nhà xuất bản Y học, Hà Nội.
3. Hoàng Hà và Diệp Văn Cam (2011), "Nghiên cứu kết quả soi phế quản ống mềm tại Bệnh viện Lao và Bệnh Phổi Thái Nguyên năm 2011", *Tạp chí Khoa học Công nghệ Đại học Thái Nguyên*. 89(1), tr. 65-69.
4. Đỗ Quyết và cộng sự (2014), "Kết quả nội soi phế quản điều trị tắc nghẽn đường thở trung tâm do ung thư phổi tại Bệnh viện Quân y 103", *Tạp chí Khoa học Công nghệ Việt Nam* 23, tr. 51-54.
5. Aljohaney A. A. (2019), "Level and predictors of anxiety in patients undergoing diagnostic bronchoscopy", *Ann Thorac Med*. 14(3), pp. 198-204.
6. Andrychiewicz A., et al. (2017), "Evaluation of factors that influence anxiety and satisfaction in patients undergoing bronchofiberoscopy with analgosedation", *Clin Respir J*. 11(5), pp. 566-573.
7. Du Rand I. A., et al. (2013), "British Thoracic Society guideline for diagnostic flexible bronchoscopy in adults: accredited by NICE", *Thorax*. 68 Suppl 1, pp. i1-i44.
8. Hirose T., et al. (2008), "Patient satisfaction with sedation for flexible bronchoscopy", *Respirology*. 13(5), pp. 722-7.
9. Poi P. J., et al. (1998), "Common fears of patients undergoing bronchoscopy", *Eur Respir J*. 11(5), tr. 1147-9.
10. Yildirim F., Ozkaya S., & A. S. Yurdakul (2017), "Factors affecting patients' comfort during fiberoptic bronchoscopy and endobronchial ultrasound", *J Pain Res*. 10, pp. 775-781.

(Ngày nhận bài: 16/10/2020 - Ngày duyệt đăng: 28/12/2021)
